

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2022

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Phương Loan.

Bà Phạm Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý 242/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu T, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Ô 7/203, Khu phố TB, thị trấn D, huyện D, tỉnh Tây Ninh “Vắng mặt”.

- Bị đơn: Anh Trần Trọng B, sinh năm: 1994. Địa chỉ: Ô 3/341, khu phố O, thị trấn D, huyện D, tỉnh Tây Ninh “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị Thu T trình bày: Chị và chồng chị là anh Trần Trọng B chung sống vào năm 2018, có tìm hiểu hơn 07 năm, hôn nhân tự nguyện, được gia đình hai bên chấp nhận, không tổ chức cưới cũng không tổ chức lễ gì cả; vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D vào ngày 04-6-2019. Sau khi cưới vợ chồng thuê nhà sống tại huyện Đ, tỉnh L để làm lò bánh mì. Đến tháng 10-2019, vợ chồng về sống cùng cha mẹ ruột chị tại KP TB, thị trấn D. Khoảng 2-3 tháng sau đó, chồng chị bỏ đi và vợ chồng ly thân cho đến nay.

Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Lê Diệu A, sinh này 21-10-2019. Hiện con đang sống chung với chị.

Vợ chồng chung sống không có tài sản chung cũng như không có nợ chung.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11-2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng chị làm ăn thất bại nên cuộc sống gia đình gặp nhiều khó khăn, chồng chị bất mãn nên thường xuyên đi uống rượu, không chăm lo cho vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được. Từ cuối năm 2019, vợ chồng ly thân cho đến nay. Mỗi người đều có cuộc sống riêng và không còn quan tâm đến nhau, cũng không ai có thiện chí hàn gắn gia đình. Vì vậy, chị yêu cầu được ly hôn với chồng chị là anh Trần Trọng B.

Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Diệu A, chị không yêu cầu chồng chị cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Trọng B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc nhưng anh B vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án không thu thập được ý kiến của anh B đối với yêu cầu của chị T.

Qua là việc người làm chứng, bà Nguyễn Thị Kim Loan là mẹ anh Trần Trọng B trình bày: Từ cuối năm 2019, vợ chồng ly thân cho đến nay, bà không rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh B. Vợ chồng có 01 con chung như chị T trình bày, hiện đang sống chung với chị T. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Thu T với anh Trần Trọng B. Giao con chung cho chị T nuôi, ghi nhận chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự là phù hợp với Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh B chung sống vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D vào ngày 04-6-2019. Nền hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị T yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét mâu thuẫn giữa anh chị qua lời trình bày của chị T thì thấy: Vợ chồng mâu thuẫn do anh B làm ăn thất bại dẫn đến thường xuyên uống rượu nên không lo được cho gia đình vợ con, mâu thuẫn kéo dài vợ chồng không giải quyết được. Vợ chồng ly thân từ tháng 11-2019 cho đến nay. Hiện vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không ai có thiện chí hàn gắn gia đình. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh B là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Hiện chị T đang nuôi cháu Lê Diệu A, sinh ngày 21-10-2019, cháu vẫn đang được chị T nuôi dạy và giáo dục tốt. Mặt khác, cháu chưa đủ 3 tuổi. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Diệu A cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không có yêu cầu nên không giải quyết.

[3] Như vậy, toàn bộ đề xuất của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại các khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Thu T đối với anh Trần Trọng B. Chị T được ly hôn với anh B.

2. Về con chung: Giao chị Lê Thị Thu T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Diệu A, sinh này 21-10-2019. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0024288 ngày 05-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND thị trấn Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Vân Quỳnh